

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM QLBT DI SẢN VĂN HOÁ	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM KÊ BƯỚC ĐẦU DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ NGHỀ DỆT CHIẾU

I. Tên gọi:

Nghề dệt chiếu

II. Loại hình:

Nghề thủ công truyền thống

III. Địa điểm:

Địa bàn thành phố Hội An (tập trung tại xã Cẩm Kim).

IV. Chủ thể văn hóa:

Cộng đồng thợ dệt chiếu

V. Miêu tả về di sản văn hóa phi vật thể:

Cách đây 20 năm trở về trước, nghề dệt chiếu ở Hội An không chỉ tập trung ở Cẩm Kim mà có ở nhiều địa phương khác như Minh An (*An Hội*), một số vùng ven sông của Cẩm Thanh (*Thôn Thuận Tĩnh, Thanh Tam Tây*), Cẩm Châu (*Khối Thanh Nam*), Cẩm Phô (*Khối Ngọc Thành, Khối Lâm Sa*)... Trong đó, đặc biệt An Hội là mảnh đất đã từng có lực lượng đông đảo dân cư tham gia dệt chiếu, trở thành xóm sản xuất chiếu chuyên nghiệp với tên gọi “*Xóm Chiếu*”.

a. Về lịch sử, nguồn gốc:

Về nguồn gốc chung của nghề dệt chiếu Việt Nam thì theo tương truyền, nghề dệt chiếu được du nhập vào nước ta vào khoảng thời Tiền Lê, Tổ nghề là Phạm Đôn Lễ người làng Hới - Thái Bình [4:102]. Chiếu làng Hới nổi tiếng khắp nơi như câu thành ngữ người dân thường nói: “*An cơm Hom, nằm giường Hòm, đắp chiếu Hới*”.

Ở Hội An, trong quyển *Xứ Đàng Trong năm 1621*, trang 52, Cristophoro Borri mô tả “*Trong tất cả nhà cửa người Đàng Trong, dù nghèo nàn đến đâu đi nữa, người ta cũng giữ ba cách ngồi. Cách thứ nhất kém hơn cả là ngồi trên chiếu trải trên đất bằng và đó là cách ngồi của những kẻ cùng cấp bậc. Cách thứ hai là ngồi trên thứ dây bố hay dây da căng thẳng có trải chiếu nhỏ và mịn hơn, dành cho người đáng kính hơn*” [1: 52]. Như vậy, vào đầu thế kỷ XVII, chiếu đã trở thành vật dụng phổ biến trong tất cả các gia đình Xứ Đàng Trong nói chung, Hội An nói riêng.

Tuy nhiên cho đến nay, tư liệu thành văn đề cập đến niên đại cụ thể hình thành nghề dệt chiếu ở Hội An còn rất mỏng.

Nhưng địa lý của Hội An có nhiều khu vực bãi bồi ven sông - nơi sinh trưởng của loài lác (*nguyên liệu dệt chiếu*) như làng Kim Bồng, Cẩm Phô, Thanh Châu xưa. Kim Bồng của Hội An lại nằm gần làng chiếu nổi tiếng Bàn Thạch... Theo hồi cố của một thợ dệt chiếu thì nghề dệt chiếu có ở Hội An muộn nhất là vào

thế kỷ XIX. Với điều kiện địa lý và mô tả của thư tịch cổ chúng tôi, cho rằng niên đại hình thành nghề dệt chiếu Hội An có thể có niên đại vào cuối thế kỷ XVII, XVIII.

Về nguồn gốc của một số vùng dệt chiếu ở Hội An, chúng tôi thu thập được tư liệu như sau:

Nghề dệt chiếu ở Phước Thắng - Cẩm Kim ảnh hưởng từ làng chiếu An Phước, Triêm Tây, nghề dệt chiếu ở Đông Hà - Cẩm Kim lại ảnh hưởng từ làng chiếu Bàn Thạch. Sự ảnh hưởng là thiếu nữ làng chiếu lấy chồng rồi mang theo nghề nghiệp của tổ tiên về vun trồng phát nghiệp nơi quê chồng ở đất Hội An và một nguyên nhân nữa là yếu tố địa lý gần nhau tạo nên sự hội, ảnh hưởng lẫn nhau. Xóm Chiếu An Hội là nơi tập trung những thợ dệt chiếu đến tản cư vào những năm 1967, 1968. Họ là người Nghĩa Lộ, Bàn Thạch, An Phước (*thuộc huyện Duy Xuyên*). Hoạt động sản xuất chiếu trong thời kỳ này rất sôi nổi, có lúc lên đến hàng trăm khung dệt. Đến những năm 2000, ở An Hội có khoảng 10 hộ dệt chiếu. Hiện nay, không có hộ nào còn dệt chiếu do quá trình đô thị hóa mạnh mẽ ở nơi này.

Ở Hội An trong những năm sau giải phóng có sản xuất Chiếu xuất khẩu (*Chiếu ngoại thương*) ở các Tổ hợp sản xuất chiếu Cẩm Phô, Tổ hợp sản xuất chiếu An Hội, Hợp tác xã sản xuất chiếu Cẩm Kim. Những tổ hợp sản xuất chiếu này tồn tại đến những năm 1992, 1993 thì bị giải thể. Trước đây, nhiều nơi như khối I, II phường Cẩm Phô..., nhiều hộ có đến 2 khung dệt như hộ nhà bà Bảy Yên, nhà bà Ngọc... thì nay không còn hộ nào tham gia sản xuất.

Nói như thế không phải nghề dệt chiếu ở Hội An hoàn toàn bị suy thoái. Thực tế, nhiều vùng ở xã Cẩm Kim nghề chiếu đang loan tỏa, phát triển mạnh, thu hút lực lượng lao động nông nhàn hoặc những ngư dân nhàn rỗi trong mùa mưa tham gia. Theo số liệu thống kê của Phòng Kinh tế năm 2014, ở Cẩm Kim có 94 hộ dệt chiếu, trong đó có 9 hộ làm nghề chiếu chuyên nghiệp. Có một số hộ như hộ bà Võ Thị Thu làm chiếu hoa còn tham gia trình diễn phục vụ khách du lịch và làm ra chiếu khổ nhỏ để bán cho khách du lịch. Bên cạnh đó ở Đông Hà Cẩm Kim có 2 hộ chuyên bán chiếu là và Võ Thị Nở, Võ Thị Hà. Và có một số hộ chuyên bán lát.

Về thời gian sản xuất: Hoạt động sản xuất chiếu ở Hội An hàng năm bắt đầu từ ngày mùng 6 tháng Giêng đến khoảng ngày 25, 26 tháng Chạp Âm lịch. Tuy vậy, thường tập trung vào những tháng cuối năm. Những tháng sau Tết Nguyên Đán số lượng khung dệt hoạt động không nhiều vì một bộ phận lực lượng lao động tham gia công việc đồng án, ngư nghiệp. Vào những tháng mưa, số lượng khung dệt hoạt động tăng lên đáng kể do sự tham gia sản xuất của những người làm nông, đánh bắt sông nước. Khoảng tháng 11, tháng Chạp âm lịch, nhu cầu chiếu trên thị trường tăng đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất chiếu. Số lượng khung dệt hoạt động tăng, có hộ có đến 2 khung dệt hoạt động, lực lượng tham gia đông đảo, sản xuất cả loại chiếu hàng chợ và chiếu hàng đặt. Trong đó chủ yếu là chiếu hàng đặt, loại chiếu có chất lượng cao, mẫu mã đẹp. Như vậy, thời vụ sản xuất, qui mô sản xuất

của nghề chiếu bị ảnh hưởng trực tiếp từ thời vụ sản xuất của một số ngành nghề khác, điều kiện tự nhiên, nhất là nhu cầu thị trường.

Về phân công lao động: Lực lượng lao động tham gia chủ yếu của nghề dệt chiếu là nữ giới. Phụ nữ, trẻ em thường làm các công đoạn phơi, nhuộm lát, se dây sân, dệt chiếu. Đàn ông: trồng cói, cắt, đập, bó...

Với tính đặc thù nghề nghiệp nên tổ chức sản xuất chiếu chỉ hoạt động theo từng gia đình. Trước đây có thời gian tập trung sản xuất theo mô hình tổ hợp có xưởng sản xuất riêng với hàng chục khung dệt do nhà nước quản lý nhưng không tồn tại được lâu dài. Bên cạnh đó còn có hình thức đổi công, trong đó hai người thợ kết hợp với nhau để sản xuất một loại sản phẩm nhất định theo kiểu sản phẩm đầu thuộc về người thợ này thì sản phẩm kế sau thuộc về người kia với điều kiện sản phẩm sẽ thuộc về ai thì dùng nguyên liệu của người đó.

Về công cụ sản xuất: Những công cụ này rất thô sơ đơn giản, được gọi với cái tên rất kham khổ như *cây lao*, *chiếc khổ*, *con ngựa*, *cái kéo*, *cây đòn ngang* (*ngang*)...

Khung (*không*) dệt chiếu đóng tại nhà, bố trí ở nhà dưới, nhà phụ. *Khung chiếu* gồm các bộ phận: *hàng nọc* (*hàng trục*) thường có 5 cây cọc bằng gỗ được chôn chặt dưới đất. Đầu mỗi cây cọc được đục một lỗ nhỏ để luồn 1 cây tròn gọi là *cây trục*. *Cây trục* làm bằng thân cau già vót nhọn hoặc bằng tre, gỗ. Phía trước có hai cây cọc gỗ được đóng chặt vào nền đất để giữ *cây đòn ngang* (*ngang*). *Đòn ngang* (*ngang*) làm bằng đoạn tre già thẳng, hai đầu buộc hai sợi dây gọi là *dây néo*. *Dây néo* vắt choàng qua *đòn ngang* và *đòn đông*. *Đòn đông* nằm ở trước *chiếc khổ* để giữ những *múi* (*mối*) *sân* luồn treo giữa các khe, lỗ của *chiếc khổ*. *Đòn đông* làm bằng đoạn tre ống già, thẳng chắc, nhẹ.

Chiếc khổ (*miền Bắc gọi là cái go*) được làm bằng tre và gỗ, gồm hai bộ phận là *vỏ*, *răng*. Hai thanh gỗ có tiết diện hình chữ “V” được gắn lại với nhau bởi 4 thanh tre tạo thành *chiếc khung* hình chữ nhật gọi là *vỏ khổ*. *Răng khổ* làm từ thân tre già vót đều, giữa *răng khổ* dùi một cái lỗ để xỏ các *múi sân*. *Răng khổ* được sắp và đóng chặt vào hai mặt của *vỏ khổ* sao cho lỗ của *răng* mặt bên này tương ứng với khoảng cách giữa hai *răng khổ* mặt bên kia. Khoảng cách giữa hai *răng khổ* được gọi là *kẻ* (*khe*). Làm *khổ* trở thành một nghề riêng gọi là nghề *đóng khổ* do một thợ chuyên nghiệp đảm trách. Nếu làm một cái *khổ* mới gọi là *đóng khổ*, nếu có sẵn *vỏ khổ* chỉ cần đóng thêm *răng* gọi là *sắp khổ*. *Khổ* có hai loại: *khổ thường*, *khổ sân đôi*. *Đóng khổ sân đôi* phức tạp hơn *đóng khổ thường*. *Khổ* có chiều dài từ 100cm - 170cm, thông thường người thợ *đóng khổ* có kích thước là con số chẵn gồm *khổ* dài 1m; 1m20; 1m40; 1m60. Dân làm chiếu ở Hội An thường đặt thợ *đóng khổ* các ở làng chiếu lân cận thuộc huyện Duy Xuyên *đóng* mới hoặc *sắp* lại *khổ*.

Cây *Lụi (Lao)* làm từ đoạn tre già hoặc thân cây cau khô đã được đoạn từng khúc và chẻ thành những thanh nhỏ với kích thước thích hợp, sau đó vót nhọn hay bào láng mặt ngoài, một đầu được mút (*vót*) nhọn để quấn cây lát gọi là *mũi lụi*, đầu kia gọi là *gốc lụi*. Cây *lụi* dài khoảng 2m. Thợ dệt chiếu miền Bắc gọi cây *lụi* là cây *chao* hay cây *văng*. Người dân làm nghề dệt chiếu ở Hội An thường mua loại công cụ này ở làng chiếu Bàn Thạch.

Con ngựa làm bằng một đòn tre già nhỏ có đóng chân, dài từ 1m40 - 1m80, được đặt dưới dây sên để nong căng hàng dây sên.

Ghế làm chiếu làm bằng gỗ hoặc tre, có bốn chân, dài từ 1m10 - 1m60, được đặt dưới chiếc chiếu cho thợ ngồi dệt.

Kẹo chắp sên là làm từ lóng tre ống, mặt bên đục một rãnh dài dọc thân, phía trên đục những lỗ nhỏ để cắm chốt tre, hai đầu đóng 2 cái mấu để treo.

Dao *chẻ lát* gồm cán làm bằng tre hoặc gỗ dài khoảng 60cm, lưỡi mỏng làm bằng kim loại, có kích thước 8cm x 20cm. Dao chẻ lát được mua hoặc đặt làm ở các lò rèn vùng ven Hội An.

Liềm, dằm bút/cắt lát được đặt mua ở các lò rèn, cấu tạo gồm lưỡi và cán. Cán làm bằng gỗ hoặc tre, lưỡi bằng sắt.

Ghim dùng để ghim những múi sên ở hai đầu chiếc chiếu, thân ghim làm bằng tre, nhỏ như chiếc đũa, một đầu nhọn đẹp, giữa thân có một đường nẻ để kẹp múi sên.

Ngoài ra còn có những công cụ khác như *cây bỏ lụi*, công cụ để cắt xén, chùi chiếc như *dao xén chiếu*, *dao chùi chiếu*.

Trong nghề dệt chiếu, lát (*cói*) và đay (*nguyên liệu làm dây sên*) là hai nguyên liệu chính. Ngoài ra còn có một số nguyên liệu phụ như phẩm màu... Đay có hai loại là *đay xanh*, *đay cách* thuộc hai họ khác nhau. Đay xanh thuộc họ Điền ma còn đay cách thuộc họ bông. Cây đay sinh sống ở vùng bãi bồi, ở Cẩm Kim - Hội An Tuy nhiên diện tích sản xuất đay ở các vùng này không nhiều nên thợ dệt chiếu ở Hội An phải mua nguồn nguyên liệu này từ vùng Duy Phước, Duy Vinh, Vĩnh Thọ. Khi thu hoạch đay, người ta bóc bỏ lõi, lấy phần vỏ. Vỏ đay được cạo sạch chất nhòn rồi phơi khô gọi là *sân vỏ*. Sân vỏ được người thợ dệt chiếu mua về tước thành từng sợi nhỏ rồi chắp thành sợi dài gọi là *sân chắp*. Thao tác này được gọi là *chắp sân*. Công cụ để chắp sân là *Kẹo chắp sân*. Thợ dệt chiếu có thể tự chắp sân để làm hoặc mua từ những người thợ chuyên nghiệp. Những người làm nghề chiếu thường chắp vào ban đêm. Chính vì thế có câu:

“Ngày lét hai thước đất.
Tối ngát mặt lên trời”

Hoặc

“Ban ngày đôi chiếu
Tối nín đôi sân”

Khi chấp sân, người thợ quần tròn sân chấp theo hướng ngược chiều kim đồng hồ dưới nền đất hoặc trong một cái mùng, rổ nhỏ. Âm thanh phát ra từ chiếc kéo chấp sân êm nhẹ ngọt ngào như tiếng nhạc của chiếc đàn cò.

Lát (cói) là nguyên liệu chính của nghề dệt chiếu. Đối với những người trồng lát dệt chiếu, cây lát gắn bó với nghề, với người thợ suốt cả cuộc đời cần lao. Bao kỷ niệm của người thợ dệt chiếu, những nỗi vui buồn của công việc trồng cói dệt chiếu lắng đọng cùng thời gian, mãi theo năm tháng.

Lát là loại cây sinh trưởng ở vùng đầm lầy miền nhiệt đới. Lát không chỉ là nguyên liệu của nghề dệt chiếu mà còn là nguyên liệu của nghề làm giấy và nhiều nghề thủ công khác. Là vùng đất nằm ở cửa sông ven biển, thổ nhưỡng nhiều vùng ở Hội An rất thuận lợi cho cây lát sinh trưởng và phát triển, nhất là các thềm đất bùn lầy ven sông ở An Hội, Cẩm Kim, Cẩm Thanh...

Cũng như cây đay, lát có nhiều loại khác nhau như lát *don*, lát *tre*, lát *hén*, lát *ma*... Những người dệt chiếu ở Hội An chủ yếu trồng loại lát *don* vì loại lát này dài bền, thon đều, khi dệt chiếu sẽ cho ra sản phẩm mịn đẹp. Người dân trồng lát vào tháng Giêng âm lịch, sau 3, 4 năm thì trồng lại. Lát trồng ở đất nước ngọt gọi là *lát nước ngọt*, loại này thường trồng ở đập nước ngăn mặn thôn Trung Châu xã Cẩm Kim, lát trồng ở đất nhiễm/ ngập mặn gọi là *lát nước mặn* người ta hay trồng ở ven sông thuộc xã Cẩm Kim, Cẩm Thanh, An Hội (*Minh An*). Lát được thu hoạch mỗi năm hai vụ chính vào tháng 4, 5 và tháng 7, 8 âm lịch. Công cụ thu hoạch lát là cái *Liềm bứt lát* hoặc cái *Dằng*. Nếu thực hiện động tác cắt lát thì dùng cái *Dằng*, còn chặt/phác thì dùng cái *Liềm*. Lát được chẻ làm đôi bằng *dao chẻ lát*, phơi khô. Lát được phơi khô gọi là *lát khô*, lát mới bứt/ cắt về gọi là *lát xanh*. Lát được phân loại thành *lát cao*, *lát hàng*, *lát tranh*. Lát cao dùng dệt chiếu dài tầm, chiếu đặt, *lát hàng* dệt chiếu thường, chiếu chợ, lát tranh dệt chiếu nôi. Lát khô có màu trắng nên gọi là *Lát trắng* dùng dệt chiếu trắng. Dệt chiếu màu phải nhuộm lát trắng thành nhiều màu khác nhau.

Thợ dệt chiếu dùng 4 loại phẩm màu cơ bản để nhuộm lát gồm màu đỏ, vàng, xanh, tím. Ngoài ra, còn có màu gạch được phối trộn từ màu đỏ với màu vàng. Muốn nhuộm loại lát có tông màu khác với màu cơ bản thì khi nhuộm cần pha thêm một số màu khác. Giả như nhuộm lát có màu xanh lơ cần pha thêm màu vàng, lát có màu đỏ tươi, màu vàng đậm cần pha thêm màu gạch. Người thợ dệt chiếu mua các loại phẩm màu ở chợ hoặc qua các nhà buôn chiếu.

Để nhuộm lát thành các màu khác nhau, trước hết dùng một cái nồi lớn đổ đầy nước rồi đun sôi. Khi nước sôi thì hòa phẩm màu vào với tỉ lệ nhất định rồi gùi *mớ* lát bỏ vào, trở đều sau đó vớt ra phơi khô rồi *bòn* (bó) thành từng mớ để làm.

Ngoài nguồn nguyên liệu tại chỗ, người dệt chiếu ở Hội An còn mua thêm lát khô ở Duy Vinh, Duy Phước để làm chiếu.

Quy trình sản xuất của nghề dệt chiếu gồm các khâu: Chuẩn bị nguyên liệu (*chuẩn bị loại lát để làm theo yêu cầu về kiểu mẫu và sân để mắc chiếu*); trở chiếu mắc sân (*mắc chiếu*) và kéo khổ về phía hàng trực; dệt chiếu; tháo chiếu (*xén bìa và cắt sân tháo chiếu ra khỏi khung*); chùi và ghim chiếu.

Trong khi dệt, người trao ngòì bên phải khung chiếu cầm cây lụi quấn sợi lát dây qua giữa hai hàng sân suốt chiều ngang chiếc chiếu. Người dệt ngòì giữa khung chiếu bên trái người trao chặn chiếc khổ úp/ ngửa về phía sau hoặc trước. Khi sợi lát qua hết người trao rút cây lụi ra, người dệt thả đứng chiếc khổ thì sợi lát nằm thẳng giữa hai hàng sân. Sau đó dệt (*dập*) vào phía trong. Người cầm khổ đưa tay về phía trái hoặc phải để bẻ tẻo ngọn/ gốc lát qua hai múi sân ngoài cùng (*múi sân bìa được mắc sợi đôi*), gọi là bẻ bờ (*bẻ bìa, miền Bắc gọi là bắt biên*). Góc lát bẻ tẻo vào không sổ ra được tạo thành một đường thẳng rất đẹp ở bìa chiếu. Bẻ bờ chiếu có hai loại gồm bẻ bờ hai và bẻ bờ ba. Bẻ bờ ba tạo thành một đường nổi ở bìa chiếu trông rất đẹp. Muốn bẻ bờ ba thì phải luôn mắc thêm múi sân cạnh múi sân bìa gọi là múi sân *buồm*. Đồng thời với động tác bẻ bờ, người dệt đưa chiếc khổ ra phía trước và đầu trên của chiếc khổ nghiêng về phía người dệt để người cầm lụi trao cây lát khác qua tùy theo qui định về màu sắc, tạo tiết hoa văn cho đến khi hoàn thành chiếc chiếu (*dây chiếu*). Khi bắt đầu thực hiện, người dệt ngòì giữa và sau hàng trực. Khi dệt được chừng 5 -10cm thì nâng con ngựa lên (*lên ngựa*) để căng thẳng hàng sân, đến khoảng 40 - 50cm thì đẩy chiếc *ghế làm chiếu* vào dưới chiếu, người dệt ngòì lên trên mà dệt tiếp. Động tác đẩy chiếc ghế ngòì dệt chiếu vào dưới chiếc chiếu gọi là *chùi ghế*. Kích thước cần thiết để chùi ghế gọi là *dây ghế*. Khi dây ghế rồi phải đẩy con ngựa về phía trước (*ra ngựa*) để tiếp tục dệt. Được khoảng 40 cm nữa thì kéo chiếc ghế tới (*xít ghế*). Động tác lặp đi lặp lại cho đến khi hoàn thành chiếc chiếu (*dây chiếu*). Sau khi *dây chiếu*, người thợ dùng dao bén sắc để xén hai bìa chiếu (*xén chiếu*), tiếp theo là hạ con ngựa, cắt sân và mở chiếu ra khỏi hàng trực. Chiếc chiếu được đem đi phơi khô để chùi sạch những ngọn lát bắt lên trong quá trình dệt chiếu. Đối với chiếu hàng đặt, trước khi giao hàng cho người đặt cần phải ghim lặn những múi sân ở hai đầu chiếc chiếu, nhưng đối với chiếu bán ở chợ hay bán cho nhà buôn thì không cần ghim. Người thợ bán chiếu từng đôi (*hai chiếc chiếu cùng loại*). Trung bình mỗi ngày hai người thợ dệt được khoảng 2 - 3 chiếc chiếu loại chiếu trở, 1 chiếc chiếu bông.

Về sản phẩm, trước giải phóng, Xóm chiếu ở An Hội chuyên sản xuất chiếu trắng thì nay chủ yếu dệt chiếu màu, chiếu đặt. Cách đây 10 năm trở về trước, các vùng ven Hội An như Đông Hà, Phước Thắng của Cẩm Kim chuyên sản xuất loại chiếu thường (*chiếu hàng chợ*), trong khi đó thợ dệt chiếu ở vùng An Hội, Cẩm Phô... lại chuyên sản xuất loại chiếu đặt. Hiện nay, ở Cẩm Kim hiện đang làm các loại chiếu bông, chiếu trở, chiếu bùa, chiếu trắng (*dùng trong đám cúng, đám ma*) – đây cũng là cách phân loại chiếu theo màu sắc.

Trong đó, chiếu *bắt bông* là sang trọng nhất, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao nhất. Dệt chiếu *bắt bông* thường bắt các loại chữ như *Phước, Lộc, Thọ...*, chữ *Vạn*,

hình chim muông và hồi văn. Khi dệt người thợ phải lượng cho tương ứng để chặn các múi sên tạo thành chỗ nổi, chỗ chìm để người trao đẩy lát qua. Sợi lát nổi lên thành băng hay chữ. Đôi lúc người thợ phải nhuộm lát thành nhiều đoạn màu khác nhau và phải vẽ mẫu sẵn.

Dựa vào loại khổ, thì chiếu được phân loại là *chiếu khổ thường*, *chiếu khổ sân đôi*. Dựa vào màu sắc chia thành *chiếu trắng*, *chiếu màu*. Chiếu màu được chia thành hai loại gồm chiếu liền, chiếu trở. Căn cứ vào cách trở hoa văn hay sự phối hợp màu sắc mà chia thành nhiều loại khác như *chiếu xiêm tím*, *chiếu xiêm dâu*, *chiếu cúc*, *chiếu ba đàn*... Ngoài ra, người dân còn phân loại chiếu căn cứ vào kích thước, cách tạo hoa văn bằng cách in màu (*chiếu in*).

Chiếu in thường in chữ Thọ, hồi văn, hoa lá chim muông hoặc các hình ảnh và mô típ trang trí khác. Công việc này do thợ chuyên nghiệp đảm trách và hình thành nghề riêng gọi là nghề in chiếu.

Sản phẩm của nghề dệt chiếu được tiêu thụ ở Hội An, các huyện của tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế... Người thợ dệt chiếu ở Hội An có thể bán trực tiếp cho người dân trên địa bàn hoặc bán cho những người gánh chiếu bán dạo ở các địa bàn lân cận Hội An. Hiện nay, một số lái buôn chiếu ở Cẩm Kim còn mua chiếu lát được dệt bằng máy có nguồn gốc từ Thành phố Hồ Chí Minh (*được bán ở chợ Bàn Thạch*) về bán cho người dân ở xã và ở Hội An. Những người bán chiếu mua chiếu về rồi ghim, lật, bán lại lấy lời.

STT	Loại chiếu	Kích thước (khổ)	Giá tiền
1	Chiếu bông	1,2 x 2m	300.000đ/chiếc
2	Chiếu trở	1,15 x 2m	120.000 – 150.000đ/chiếc
3	Trắng	1,4 x 2m	60.000đ/đôi
4	Chiếu nhỏ/chiếu du lịch	0,45 x 0,7m	60.000đ/chiếc

Số liệu: Khảo sát thực tế năm 2014

Theo thống kê năm 2012, 92 hộ (*134 lao động*) dệt chiếu ở Cẩm Kim có doanh thu 2.234.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm ba mươi tư nghìn*), có hộ thu nhập cao nhất 135 triệu đồng/năm, có hộ dệt 530 chiếc/năm (*hộ bà Nguyễn Thị Yến – thôn Phước Thắng*). Thâm niên cao nhất của những người được thống kê khảo sát là thâm niên 10 năm dệt chiếu.

Về văn hóa tín ngưỡng: Theo lệ, người thợ dệt chiếu thường chọn các ngày chẵn để đặt khổ làm chiếu mở hàng, sớm nhất là ngày mùng 4 và muộn nhất là ngày mùng 10 tháng Giêng. Thông thường, thợ làm nghề chiếu chọn ngày mùng 6 hoặc mùng 8 để đặt khổ dệt đôi chiếu đầu tiên trong năm. Nguyên liệu sản xuất được chuẩn bị sẵn từ chiều ngày hôm trước. Buổi sáng ngày dự định dệt đôi chiếu mở hàng, người thợ đặt chiếc khổ vào khung (*không*) chiếu, tiếp đó là mắc sên, kéo chiếc khổ về phía hàng trục và tiến hành dệt chiếu. Điều đặc biệt là ngày làm mở

hàng người thợ không sản xuất ra sản phẩm với số lượng là số lẻ, bao giờ họ cũng dệt 02 chiếc chiếu cùng loại để xếp thành 01 đôi chiếu. Sản phẩm đầu tiên này được người thợ tự mang ra chợ hoặc đến nhà buôn hàng chiếu bán mở hàng. Tuy nhiên cũng có hiện tượng nhà buôn đến tận nhà để mua với giá phù hợp và trả bằng tiền mặt.

Những câu ca, câu hò diễn tả niềm vui nỗi buồn của nghề dệt chiếu được những người mẹ, người bà ngâm trầm bổng, tha thiết trong lúc ru con, ru cháu, hay khi ngồi dệt chiếu chấp sên. Các câu ca câu hò này không chỉ phổ biến rộng rãi ở Hội An mà còn ở nhiều xóm, làng làm nghề dệt chiếu khác ở Quảng Nam.

*“Nghề chi kể hết các nghề
Nghề chi to tiền to bạc bằng nghề lát sên (nghề dệt chiếu)
Bút về bỏ đứng bỏ nằm
Bỏ dạt bờ dạt bụi tui (tôi) tằm phải mần
Đá chân kêu bớ cô hai
Vô đây gá nghĩa làm quen với người
Trời làm phong gió bất kỳ
Mưa thì chát đống nắng thì khô ran
Lát hàng một bó năm quan
Lát cao đồng một bạn hàng Cẩm Nê
Bán buôn tính đã thôi bề luôn luôn
Bán buôn từ biển chí nguồn
Sài Gòn, Gia Định bán buôn cũng rồi
Kể ra cho hết các nơi
Kể nằm người đắp cũng nhằm nghề ai
Nghề ni cực khổ làm ri
Gánh tới các chị em trả rẻ không nhớ đến khi lạnh lùng
Giàu thời mua đặng chiếu bông
Nghèo mua đôi chiếu trắng chiếu trơn không mần mà”*

Cái nghề “Hai thước đất suốt một đời lao khổ” trải qua bao đời được người dân đúc kết thành câu ca thâm đượm tính nhân văn.

*“Bắt tay nhau từ thời gút thắt
Mở ra rồi chưa chắc thành đôi
Bạn với ta luôn khổ lắm rồi
Nghề chiếu cói ở đời thiên hạ
Cây lao đó nắm luôn đưng thả
Lao khổ này ta sẽ giữ nguyên
Ngồi xuống đây thấy đất thêm phìền
Cô vừa gót chàng liền lên ngựa
Việc đời xưa đang còn nghiêng ngửa
Sợ mai chiều xuất đội bôn ba*

*Sửa, dầy tôi năm chưa ra
 Dem trải giường cao ván sạch
 Trải những quan khách
 Chẳng nệ chi người có công
 Xưa kia khổ có ngựa không
 Như bây giờ thành đò đong dây néo
 Chẳng qua duyên trần nợ tréo
 Thành đôi rồi, bạn bỏ bạn đi”*

Đôi chiếu tuy đơn sơ nhưng thật đa dụng. Dường như trong các gia đình Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung nhà nào cũng có đôi chiếu để trải để nằm. Những nhà giàu thì dùng chiếu bông chiếu hoa, nhà kém hơn thì mua chiếu trơn chiếu trắng. Chiếu được dùng để trải phản, lót giường, đắp ấm, tiếp đón xã giao, cúng kính kỵ hạp, trải giường tân hôn... và đôi khi dùng vào việc tâm liệt người chết.

VI. Giá trị của di sản văn hóa phi vật thể

- Lịch sử hình thành và phát triển của nghề dệt chiếu ở Hội An đã trải qua hàng trăm năm và gắn liền với lịch sử phát triển của thương cảng Hội An cũng như nhiều làng xã lâu đời của Hội An.

- Nghề dệt chiếu chứa đựng khối lượng tri thức dân gian lớn được thể hiện qua qui trình sản xuất, kinh nghiệm sản xuất, tín ngưỡng. Sản phẩm của nghề chiếu không chỉ là một sản phẩm gia dụng bình thường mà còn là sản phẩm văn hóa được sử dụng phổ biến trong nhiều không gian sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng khác nhau.

- Nghề dệt chiếu đã góp phần giải quyết lao động nhàn rỗi, góp phần cải thiện đời sống của người dân nông thôn Hội An qua nhiều thời kỳ. Đồng thời nghề dệt chiếu ở Hội An cũng góp phần vào thúc đẩy sự phát triển ngành nghề thủ công và tiêu thụ thương mại ở Hội An trong nhiều thời kỳ.

- Hiện nay nghề dệt chiếu ở Hội An đã được khách du lịch quan tâm tham quan, qua các hoạt động trình diễn cho du khách của thợ dệt chiếu đã góp phần quảng bá giá trị văn hóa truyền thống ở Hội An.

VII. Hiện trạng di sản văn hóa phi vật thể

*** Danh sách những thợ đang dệt chiếu ở Cẩm Kim:**

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Doanh thu (Đơn vị tính: triệu đồng/năm)	Năm thâm niên sản xuất
1	Nguyễn Thị Thơ	Tổ 12 Trung Hà	39	10
2	Hoàng Tiến Dũng	Tổ 12 Trung Hà	38	8
3	Hoàng Ngọc Phú	Tổ 12 Trung Hà	45	12
4	Trần Văn Ba	Tổ 12 Trung Hà	38	10
5	Hoàng Tiến Dân	Tổ 12 Trung Hà	37	12
6	Nguyễn Văn Kỳ	Tổ 12 Trung Hà	34	10

7	Nguyễn Thị Lê	Tổ 11 Trung Hà	33	10
8	Huỳnh Thị Cường	Tổ 11 Trung Hà	16	4
9	Huỳnh Thị Kết	Tổ 11 Trung Hà	16	4
10	Nguyễn Thị Lai	Tổ 5 Đông Hà	20	9
11	Võ Thị Thắng	Tổ 7 Đông Hà	7	6
12	Đỗ Thị Mỹ	Tổ 4 Đông Hà	12	6
13	Phạm Thị Nghê	Tổ 4 Đông Hà	8	5
14	Trần Thị Nga	Tổ 3 Đông Hà	27	8
15	Huỳnh Thị Yên	Tổ 3 Đông Hà	32	2
16	Trần Trường	Tổ 3 Đông Hà	13	9
17	Võ Thị Thu	Tổ 3 Đông Hà	15	8
18	Nguyễn Thị Cam	Tổ 7 Đông Hà	16	6
19	Lê Thị Thanh	Tổ 7 Đông Hà	28	10
20	Võ Thị Sáu	Tổ 17 Trung Châu	25	12
21	Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 17 Trung Châu	23	12
22	Nguyễn Văn Thanh	Tổ 17 Trung Châu	47	12
23	Huỳnh Thị Hiền	Tổ 17 Trung Châu	23	12
24	Huỳnh Thị Hoa	Tổ 17 Trung Châu	23	11
25	Huỳnh Thị Bông	Tổ 17 Trung Châu	25	12
26	Phan Thị Hát	Tổ 17 Trung Châu	48	10
27	Lê Thị Nới	Tổ 17 Trung Châu	115	10
28	Trương Thị Xinh	Tổ 16 Trung Châu	106	10
29	Nguyễn Thị Nguyệt	Tổ 16 Trung Châu	31	12
30	Đặng Thị Ngọc Thủy	Tổ 16 Trung Châu	31	12
31	Phạm Thị Xít	Tổ 16 Trung Châu	28	12
32	Nguyễn Thị Nga	Tổ 17 Trung Châu	19	12
33	Nguyễn Thị Cười	Tổ 18b Phước Thắng	14	12
34	Nguyễn Thị Yên	Tổ 18b Phước Thắng	25	6
35	Lê Thị Hát	Tổ 18b Phước Thắng	19	10
36	Trần Thị Nhạn	Tổ 18b Phước Thắng	40	12
37	Phan Thị Hoa	Tổ 18b Phước Thắng	21	12
38	Dương Thị Nhung	Tổ 18b Phước Thắng	57	11
39	Nguyễn Thị Mừng	Tổ 19 Phước Thắng	22	10
40	Ngô Thị Gái	Tổ 19 Phước Thắng	15	10
41	Phan Thị Tú	Tổ 19 Phước Thắng	52	10
42	Huỳnh Thị Tiến	Tổ 19 Phước Thắng	37	10
43	Lê Thị Mua	Tổ 19 Phước Thắng	114	10
44	Trần Thị Phin	Tổ 28a Phước Thắng	53	10
45	Đỗ Thị Sinh	Tổ 18b Phước Thắng	22	10

46	Trần Thị Lê Phương	Tổ 18b Phước Thắng	37	10
47	Trương Thị Hiền	Tổ 18b Phước Thắng	126	8
48	Lê Thị Lưu	Tổ 18b Phước Thắng	31	10
49	Nguyễn Thị Kim Hiền	Tổ 19 Phước Thắng	135	6
50	Đỗ Thị Hát	Tổ 19 Phước Thắng	5	6
51	Lâm Thị Ánh	Tổ 19 Phước Thắng	18	6
52	Phan Thị Điềm	Tổ 18b Phước Thắng	8	9
53	Võ Thị Hoàng Oanh	Tổ 18b Phước Thắng	21	10
54	Nguyễn Thị Hương	Tổ 20b Phước Thắng	16	6
55	Huỳnh Thị Mậu	Tổ 20b Phước Thắng	11	6
56	Huỳnh Thị Thu Hương	Tổ 20b Phước Thắng	34	11
57	Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 20b Phước Thắng	27	10
58	Nguyễn Thị Mẹo	Tổ 18b Phước Thắng	14	6
59	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Tổ 19 Phước Thắng	9	9
60	Nguyễn Thị Quý Thương	Tổ 18b Phước Thắng	25	11
61	Tô Thị Lan	Tổ 18a Phước Thắng	19	12
62	Phan Thị Kim Anh	Tổ 18a Phước Thắng	17	6
63	Võ Thị Sa	Tổ 20a Phước Thắng	13	6
64	Đặng Thị Xuân Đào	Tổ 18a Phước Thắng	9	6
65	Lê Thị Hương	Tổ 18b Phước Thắng	15	12
66	Trần Thị Diệu	Tổ 20b Phước Thắng	?	5
67	Lê Thị Nhút	Tổ 6 Đông Hà	30	10
68	Phan Thị Hồng	Tổ 5 Đông Hà	29	8
69	Phan Thị Huệ	Đông Hà	22	9
70	Trần Thị Ca	Đông Hà	6	4
71	Nguyễn Thị Thìn	Tổ 4 Đông Hà	25	8
72	Võ Thị Tiên	Tổ 4 Đông Hà	12	6
73	Nguyễn Thị Hoa	Tổ 5 Đông Hà	12	5
74	Phan Đầy	Đông Hà	?	?
75	Trần Thị Thương	Đông Hà	?	?
76	Đỗ Huệ	Đông Hà	?	?
77	Nguyễn Thị Tắc	Đông Hà	?	?
78	Nguyễn Thị Sáng	Đông Hà	?	?
79	Huỳnh Y	Đông Hà	?	?
80	Trang Thị Là	Đông Hà	?	?
81	Phan Thị My	Đông Hà	?	?

82	Đỗ Thị Mỹ	Đông Hà	?	?
83	Nguyễn Thị Thắm	Trung Hà	?	?
84	Lê Thị Bảy	Tổ 17 Trung Châu	?	?
85	Trương Thị Thiệt	Tổ 17 Trung Châu	?	?
86	Huỳnh Thị Xuyên	Tổ 17 Trung Châu	?	?
87	Huỳnh Thị Sự	Trung Hà	?	?
88	Huỳnh Thị Lý	Trung Hà	?	?
89	Trần Thị Dưỡng	Trung Châu	?	?
90	Trần Thị Tri	Tổ 20b Phước Thắng	?	?
91	Lưu Thị Thủy	Tổ 18b Thôn Phước Thắng	?	?
92	Nguyễn Thị Hận	Tổ 18b Thôn Phước Thắng	?	?

Trong số 92 người dệt chiếu Cẩm Kim, có ít nhất 9 người làm chiếu chuyên nghiệp là hộ các ông Hoàng Tiến Dũng, Huỳnh Y, Đỗ Huế, hộ bà Võ Thị Thu Võ Thị Nở (*buôn chiếu, dây sần, lát khô*), Phan Thị Hồng (*buôn chiếu, dây sần, lát khô*) (*Đông Hà*), Huỳnh Thị Sự, Huỳnh Thị Lý (*Trung Hà*). Số còn lại làm chiếu theo mùa vụ, mùa mưa, ngày nông nhàn tập trung dệt chiếu.

Cũng theo thống kê năm 2012, ở Minh An có 2 hộ dệt chiếu (*20 lao động ?*) thuộc khối An Hội.

- **Số lượng học viên hiện nay:** Chưa thống kê.

- **Phương thức truyền dạy:** Trong nghề thợ dệt chiếu, phương thức truyền dạy chính là truyền dạy nghề tại gia đình, cha - ông truyền cho con - cháu.

- **Nguy cơ hoặc nguyên nhân mai một của di sản văn hóa phi vật thể:**

+ Số lượng người dệt chiếu ở Hội An là còn nhiều nhưng tập trung ở địa bàn xã Cẩm Kim, các xã, phường khác hầu như không có. Ngay ở địa bàn Cẩm Kim, số nhân công làm dệt chiếu chủ yếu mang tính thời vụ là chính, có nhiều người bỏ việc qua Khu phố cổ làm nhân viên dịch vụ du lịch.

+ Sản phẩm chiếu hiện nay đang bị cạnh tranh cao bởi các sản phẩm trải lát gia dụng công nghiệp như chiếu nhựa, chiếu trúc, đệm, nệm... Vì vậy, nguy cơ hạn chế thị trường tiêu thụ chiếu là điều đang diễn ra.

VIII. Các biện pháp bảo vệ

- Luật di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 quy định việc Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể.

- Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 1/4/2011 quy định về hỗ trợ ưu đãi khuyến khích đầu tư phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố Hội An.
- Chương trình du lịch cộng đồng tại xã Cẩm Kim được hình thành từ năm 2014.
- Các chính sách khuyến công của Ủy ban Nhân dân xã Cẩm Kim.
- Sự duy trì nghề nghiệp của các hộ dệt chiếu.

IX. Danh mục tài liệu liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể:

1. Cristophoro Borri (1621), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồ Chí Minh, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Tr. 52.
2. Phạm Hữu Đăng Đạt (2002), *Chuyện làng nghề nước Việt*, Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
3. Độc Thị Hảo (2001), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
4. Trung tâm Công nghệ thông tin, du lịch (2004), *Non nước Việt Nam*, Tổng cục du lịch xuất bản.
5. Nguyễn Bội Liên (1981), *Vài nét về nghề làm chiếu lát trong một xã chuyên nghiệp của Quảng Nam Đà Nẵng*, Ty Văn hóa Thông tin QNĐN.
6. Vũ Từ Trang (2002), *Nghề cổ nước Việt*, Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
7. Huỳnh Ngọc Tuyết (2002): *Xóm nghề và nghề thủ công truyền thống Nam bộ*, Tp Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
8. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2008): *Nghề Truyền thống Hội An*.

Hội An, ngày tháng năm 2014

Xác nhận của Trung tâm QLBTDS Văn hóa

Người lập phiếu kiểm kê

(Đã ký)

Trương Hoàng Vinh